

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tiễn

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị U** – Sinh năm 1977 (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Trần Việt C** – Sinh năm 1970 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Đường Y, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà và ông Trần Việt C kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận H, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại đường T, thành phố Đà Nẵng, là nhà của cha mẹ chồng; đến khoảng năm 2010 vợ chồng chuyển đến sống tại đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, là nhà thuê. Sau khi kết hôn khoảng 3 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C độc đoán, gia trưởng, ngoại tình về gây gỗ, đánh đập, chửi bới vợ con. Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào năm 2019, từ năm 2019

đến nay vợ chồng mặc ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị U xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U yêu cầu được ly hôn với ông Trần Việt C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị U xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Việt O, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Việt G, sinh ngày 09/12/2009. Cháu Trần Việt O đã đủ tuổi thành niên. Khi ly hôn, bà U có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị U xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Việt C tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là ông Trần Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị U về việc ly hôn với ông Trần Việt C; giao con chung cho bà U nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Trần Việt C có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Trần Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Trần Việt C tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2001 ngày 21/11/2001). Hôn nhân giữa bà U và ông C đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị U kiên quyết xin ly hôn với ông Trần Việt C. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, do bất đồng về tính tình và quan điểm sống nên giữa bà U và ông C phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng gay gắt. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị U xin ly hôn là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Việt C đến để hòa giải nhưng ông C vẫn vắng mặt chứng tỏ ông C không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị U.

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị U xác định bà và ông Trần Việt C có 02 con chung là Trần Việt O, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Việt G, sinh ngày 09/12/2009. Cháu Trần Việt O đã đủ tuổi thành niên. Khi ly hôn, bà U có nguyện vọng được nuôi cháu G. Tòa án xét thấy: Cháu G có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Tòa án quyết định giao cháu G cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị U không yêu cầu ông Trần Việt C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị U xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị U phải chịu.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với ông Trần Việt C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U được ly hôn với ông Trần Việt C.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Trần Việt G, sinh ngày 09/12/2009 cho bà Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Trần Việt C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị U xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị U phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai thu số 0008892 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị U đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Việt C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Thảo